ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 94 /2026/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 08 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 10649/TTr-STC ngày 30 tháng 9 năm 2026 và Báo cáo thẩm định số 356/BC-STP ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Sở Tư pháp;

Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh ban hành Quyết định Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026 và thay thế Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn thành phố Quảng Ninh.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (để b/c);
- CT UBND Thành phố (để b/c);
- Các PCT UBND Thành phố;
- V0-4, các CVNCTH;
- Lưu: VT, TM1.

QĐ102

Ký bởi: Đào Trần Hùng

Ký bởi: Vũ Sơn Hà

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

Nguyễn Văn Công

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 94 */2026/QĐ-UBND ngày* 08 *tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam trên địa bàn thành phố Quảng Ninh thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan chủ quản nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam *(sau đây gọi tắt là Nghị định số 313/2025/NĐ-CP).*

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức *(sau đây gọi tắt là viện trợ)* thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Bên cung cấp viện trợ trong Quy chế này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài được quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy chế này là các cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn thành phố Quảng Ninh thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan chủ quản được quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ

1. Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất quản lý nhà nước về viện trợ trên địa bàn thành phố Quảng Ninh trên cơ sở công khai, minh bạch, có phân công,

gắn quyền hạn với trách nhiệm, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ và phát huy tính chủ động của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, các tổ chức và đơn vị thực hiện.

2. Các khoản viện trợ khi được xây dựng và triển khai thực hiện phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với Bên cung cấp viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp điều kiện viện trợ của Bên cung cấp viện trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Các nguyên tắc khác về quản lý và sử dụng viện trợ: thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

4. Không tiếp nhận các khoản viện trợ gây ảnh hưởng đến an ninh, chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Đối với các nội dung liên quan đến quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam nhưng chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

LẬP HỒ SƠ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ

Điều 4. Lập hồ sơ khoản viện trợ

Chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ lập hồ sơ văn kiện dự án, phi dự án theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP. Kết cấu văn kiện dự án, phi dự án theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Thẩm định khoản viện trợ

1. Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định đối với khoản viện trợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan liên quan như Sở Ngoại vụ, Công an thành phố và các cơ quan chuyên ngành theo lĩnh vực của khoản viện trợ trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP. Trường hợp nội dung khoản viện trợ vượt quá thẩm quyền quản lý nhà nước của địa phương hoặc trường hợp khoản viện trợ thực hiện tại nhiều địa phương hoặc chủ khoản viện trợ không đăng ký hoạt động tại địa bàn quản lý,

Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để gửi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan.

3. Trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, Sở Tài chính làm cơ quan đầu mối, phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia ý kiến khi có yêu cầu.

Điều 6. Thẩm quyền phê duyệt khoản viện trợ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt các khoản viện trợ trong các trường hợp sau đây (trừ các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương theo quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 5 Điều 7 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP):

a) Các khoản viện trợ trực tiếp cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của Thành phố và các khoản viện trợ khắc phục hậu quả trên địa bàn thành phố;

b) Các khoản viện trợ mà Bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức do Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ hoặc cấp Giấy đăng ký hoạt động, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của bên tiếp nhận viện trợ;

c) Các khoản viện trợ của các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 2 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP sau khi đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép tiếp nhận;

d) Các khoản viện trợ dành cho các doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân cấp thành phố nơi đăng ký kinh doanh phê duyệt.

2. Đối với các khoản viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng, thẩm quyền phê duyệt dự án sử dụng vốn viện trợ thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định phê duyệt khoản viện trợ trên cơ sở Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tài chính và ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Nội dung Quyết định phê duyệt khoản viện trợ thực hiện theo đúng quy định tại Điều 11 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Chương III
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 7. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện dự án, năng lực tổ chức quản lý dự án, Ủy ban nhân dân Thành phố với tư cách là cơ quan chủ quản quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý dự án đối với các khoản viện trợ

thuộc thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 7 Quy chế này, bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 12 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Chủ khoản viện trợ phải được xác định trong quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ. Trên cơ sở quyết định phê duyệt tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý dự án và thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ, vốn đối ứng của dự án theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ, Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung dự án, phi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư xây dựng và các quy định khác có liên quan.

6. Bán hàng hóa thuộc khoản viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

7. Chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, đánh giá, tiến hành các biện pháp cần thiết khác để khai thác, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ để theo dõi, tổng hợp.

8. Trường hợp xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện thì thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ: Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Mở tài khoản thanh toán cho dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ thực hiện mở tài khoản cho dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

4. Giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

5. Vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện khoản viện trợ:

a) Thực hiện đầy đủ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

b) Đối với dự án, phi dự án được cấp phát toàn bộ từ ngân sách nhà nước: Chủ khoản viện trợ đề xuất Sở Tài chính; Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố cân đối vốn đối ứng trong dự toán ngân sách hàng năm theo phân cấp quản lý ngân sách và từ các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật và phân định rõ theo nguồn vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên tương ứng với nội dung chi tiêu của dự án, phi dự án; bảo đảm bố trí vốn đối ứng đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ quy định trong Văn kiện dự án, phi dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Đối với dự án, phi dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hàng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng: chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính để xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào dự toán ngân sách hằng năm. Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án, phi dự án không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hàng năm, chủ khoản viện trợ có văn bản đề nghị Sở Tài chính xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ sung vào kế hoạch vốn hàng năm hoặc tạm ứng vốn và sau đó khấu trừ vào kế hoạch năm tiếp theo.

d) Đối với dự án, phi dự án thuộc diện cấp phát từ ngân sách nhà nước có thời điểm phê duyệt không trùng với kỳ lập dự toán ngân sách hằng năm, chưa được bố trí vốn đối ứng:

Chủ khoản viện trợ báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố bằng văn bản để đề nghị Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định bổ sung dự toán ngân sách hằng năm hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước

Trường hợp thời điểm lập kế hoạch vốn đối ứng chuẩn bị thực hiện và thực hiện dự án, phi dự án không trùng với kỳ lập kế hoạch ngân sách hằng năm, cơ quan chủ quản có trách nhiệm chủ động rà soát, tự cân đối trong tổng dự toán/nguồn vốn đã được cấp có thẩm quyền giao, phân bổ. Trường hợp không thể tự cân đối được, cơ quan chủ quản có văn bản đề nghị gửi Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét việc tạm ứng vốn và thực hiện khấu trừ vào kế hoạch vốn năm tiếp theo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Đối với các khoản viện trợ do Ủy ban nhân dân Thành phố là cơ quan chủ quản: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố lập kế hoạch vốn chuẩn bị để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hằng năm hoặc bổ sung theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương): Chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ;

c) Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị dự án, phi dự án: Chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa, thuế đối với các khoản viện trợ, kiểm toán các khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 26 và Điều 27 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

Điều 9. Quản lý tài sản viện trợ

1. Quản lý tài sản đối với tài sản của khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

2. Đối với tài sản của khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định 313/2025/NĐ-CP.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan

1. Sở Tài chính

Là cơ quan đầu mối về quản lý, sử dụng, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh quản lý tài chính các khoản viện trợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế này, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn kiện dự án, phi dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh xem xét, phê duyệt các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh cân đối bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch ngân sách Nhà nước hằng năm cho các đơn vị thuộc đối tượng được cấp ngân sách để thực hiện các khoản viện trợ không hoàn lại đã cam kết với bên tài trợ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh ban hành các cơ chế chính sách, giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn thành phố. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, phê duyệt, triển khai thực hiện theo thẩm quyền đối với các cơ quan, đơn vị tiếp nhận viện trợ theo quy định. Xử lý các vấn đề liên quan thuộc thẩm quyền và kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh xem xét, quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền.

d) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện, giám sát, đánh giá các khoản viện trợ; Báo cáo định kỳ 6 tháng và hằng năm về tình hình giải ngân, sử dụng viện trợ từ viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Quảng Ninh theo quy định tại khoản 8 Điều 13, Điều 33 Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

đ) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định số 313/2025/NĐ-CP.

2. Sở Ngoại vụ

a) Tham gia góp ý kiến các khoản viện trợ theo quy định tại Quy chế này.

b) Tham gia giám sát việc thực hiện các khoản viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo cam kết viện trợ thực hiện đúng lĩnh vực và địa bàn hoạt động đã đăng ký của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy đăng ký và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài làm cơ sở cho việc tiến hành vận động và thẩm định viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài theo quy định.

d) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài về thủ tục trình tiếp nhận và việc khảo sát, xây dựng, triển khai các khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

3. Công an thành phố Quảng Ninh

a) Hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trên địa bàn thành phố thực hiện đúng quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

b) Tham gia góp ý kiến về các khoản viện trợ theo quy định.

c) Phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận và sử dụng viện trợ bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

d) Tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

đ) Tiến hành rà soát, xác minh, xét duyệt nhân sự đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thực hiện, quản lý, giám sát dự án viện trợ, quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, cư trú và các hoạt động khác của tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn thành phố đảm bảo đúng khuôn khổ dự án.

4. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan liên quan khác trên địa bàn Thành phố:

a) Thực hiện tiếp nhận, triển khai và quản lý, sử dụng các khoản viện trợ theo đúng quy định. Không tiếp nhận các khoản viện trợ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân

thành phố Quảng Ninh về tình hình phối hợp triển khai các khoản viện trợ do các Bộ, cơ quan Trung ương tiếp nhận, phân bổ thực hiện trên địa bàn thành phố.

b) Tham gia góp ý kiến đối với các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

c) Hướng dẫn đôn đốc các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, triển khai thực hiện và quản lý các khoản viện trợ theo quy định.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến lĩnh vực phụ trách; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính, Công an thành phố khi phát hiện những dấu hiệu, hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp nhận và sử dụng viện trợ.

đ) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Tạo điều kiện về mặt bằng (nếu có) để thực hiện các dự án, phi dự án theo nội dung văn kiện đã ký kết; giao Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế – Hạ tầng – Đô thị/Phòng Tài chính – Kế hoạch làm đầu mối trong quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn.

e) Báo cáo tình hình tiếp nhận viện trợ, tình hình thực hiện, giải ngân khoản viện trợ 06 tháng (chậm nhất vào ngày 05 tháng 7) và hằng năm (chậm nhất vào ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo) gửi Sở Tài chính để tổng hợp. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ gửi Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính (chậm nhất không quá 06 tháng sau khi kết thúc thực hiện) và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hay thay thế bằng các văn bản mới thì các nội dung được dẫn chiếu áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần thiết phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, đơn vị, tổ chức phản ánh bằng văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp./.